UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3708 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định

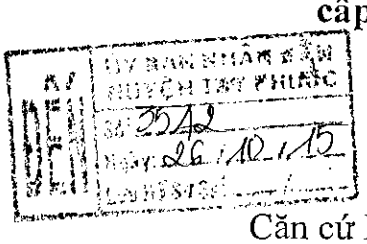

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Văn bản số 5436/BNN-TCTL ngày 08/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định và xác định diện tích được tưới tạo nguồn từ bậc 2 trở lên.

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 3205/SNN-TL ngày 25/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015, cụ thể như sau:

Diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015 là 113.428 ha, tăng 15 ha. Trong đó, diện tích tưới, tiêu bằng động lực 24.147 ha, trọng lực 88.304 ha, trọng lực kết hợp động lực 977 ha.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015 phê duyệt tại Điều 1, giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các đơn vị quản lý thủy nông, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán và phân bổ kinh phí cấp bù để thực hiện miễn thủy lợi phí năm 2015 cho các đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (22b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CẤP BÙ THỦY LỢI PHÍ NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH.

(Kèm theo Quyết định số 3708 /QĐ-UBND ngày 21 /10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DANH MỤC	Diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015 theo Quyết định 1634/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 (ha)			Diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2015 điều chỉnh, bổ sung		
	Tưới, tiêu một bậc	Tưới, tiêu tạo nguồn bậc 2 trở lên	Tổng diện tích (ha)	Tưới, tiêu một bậc (ha)	Tưới, tiêu tạo nguồn bậc 2 trở lên (ha)	Tổng diện tích (ha)
1. Công ty TNHH Khai thác CTTL	59.266	0	59.266	59.266		59.266
a) Biện pháp động lực	790		790	790		790
b) Biện pháp trọng lực	58.476		58.476	58.476		58.476
Trong đó + Biện pháp trọng lực chủ động	39.426		39.426	39.426		
+ Biện pháp trọng lực tạo nguồn	*19.050*		19.050	*19.050*		
2. Các huyện, thị xã, thành phố	60.855	12.342	73.197	60.928	12.284	73.212
a) Biện pháp động lực	13.932	9.105	23.037	14.296	9.061	23.357
- Địa phương tự tạo nguồn tưới bằng động lực	11.961		11.961	12.324		
- Diện tích tưới tạo nguồn bậc 2 của địa phương		1.382	1.382		1.337	
- Nhận nguồn từ Công ty tưới bằng động lực	1.972		1.972	1.972		
- Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng động lực		7.724	7.724		7.724	
b) Biện pháp trọng lực	45.773	3.237	49.010	45.655	3.223	48.878
- Địa phương tự tạo nguồn tưới bằng trọng lực	39.656		39.656	39.538		
- Diện tích nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực	6.117		6.117	6.117		
- Diện tích tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực		3.237	3.237		3.223	
c) Biện pháp trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	1.150		1.150	977		977
- Tự tạo nguồn tưới trọng lực kết hợp động lực	1.150		1.150	977		
- Nhận nguồn bậc 2 tưới trọng lực kết hợp động lực			0			
3. Toàn tỉnh	113.413			101.144	12.284	113.428

Tổng diện tích toàn tỉnh sau rà soát tăng 15 ha

Diện tích tưới, tiêu công trình 1 bậc tăng 73 ha

Diện tích tưới, tiêu tạo nguồn công trình bậc 2 trở lên giảm -58 ha